

Số: 16/2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 13 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số 6870/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định chức

*plk*

danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá IV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2023./.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, DN, CT. HĐND, HSKH (Th).

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung



**QUY ĐỊNH**

**Chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là cấp xã*); ở thôn, buôn, bon, bản (*sau đây gọi chung là thôn*), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Chương II**

**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ**

**Điều 3. Quy định chức danh, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã**

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm:

- a) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- b) Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ;
- c) Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hoá;
- d) Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy;
- đ) Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy;
- e) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- g) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- h) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

*plh*

- i) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- k) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- m) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- n) Nhân viên thú y - khuyến nông;
- o) Cán bộ làm công tác giảm nghèo hoặc Đô thị hoặc Nông thôn mới hoặc Dân tộc - Tôn giáo.

## 2. Mức phụ cấp hàng tháng như sau:

a) Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ: Mức phụ cấp bằng hệ số 2,0 so với mức lương cơ sở.

b) Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy; Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,7 so với mức lương cơ sở.

c) Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hoá; Nhân viên thú y - Khuyến nông: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở.

d) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch Hội Người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,3 so với mức lương cơ sở.

đ) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Cán bộ làm công tác giảm nghèo hoặc cán bộ đô thị hoặc cán bộ hỗ trợ xây dựng nông thôn mới hoặc cán bộ Dân tộc - Tôn giáo: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở.

e) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự: Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

## 3. Khoản quỹ phụ cấp:

Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp hàng tháng cho Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định phân loại đơn vị hành chính cấp xã như sau:

a) Cấp xã loại 1: Mức khoán là 28,02 mức lương cơ sở/xã/tháng;

b) Cấp xã loại 2: Mức khoán là 25,15 mức lương cơ sở/xã/tháng.

Mức khoán trên bao gồm phụ cấp hàng tháng, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ cấp kiêm nhiệm, để chi trả hàng tháng cho hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (*chưa bao gồm hỗ trợ đối với người có trình độ chuyên môn quy định tại khoản 4 Điều này*).

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức phụ cấp hàng tháng quy định tại khoản 2 Điều này, mức phụ cấp kiêm nhiệm quy định tại Điều 9 của Quy định này và mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định để thực hiện chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

#### 4. Hỗ trợ đối với người có trình độ chuyên môn

Người không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn Cao đẳng: Hỗ trợ 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng; có trình độ chuyên môn Đại học: Hỗ trợ 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trực tiếp hàng tháng cho người không chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp.

#### **Điều 4. Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với các chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn**

1. Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

2. Phó Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,45 so với mức lương cơ sở.

3. Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

4. Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,35 so với mức lương cơ sở.

5. Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.

### **Chương III**

#### **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

**Điều 5. Quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và mức bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp vào công việc của thôn, tổ dân phố**

1. Mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,3 so với mức lương cơ sở. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở.

b) Trưởng Ban công tác mặt trận: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở. Đối với

thôn, tổ dân phố còn lại hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,9 so với mức lương cơ sở.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn Trung cấp được hỗ trợ 0,1 mức lương cơ sở/người/tháng; có trình độ chuyên môn Cao đẳng được hỗ trợ 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng; có trình độ chuyên môn Đại học được hỗ trợ 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố cụ thể như sau:

a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới:

Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn, Tổ phó Tổ dân phố: Hỗ trợ 650.000 đồng/người/tháng.

Chi hội trưởng các đoàn thể: Thanh niên, Nông dân, Cựu Chiến binh, Liên hiệp phụ nữ: Hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng.

Phó Trưởng Ban công tác mặt trận và Chi hội phó các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ: Hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng.

Chi hội Trưởng người cao tuổi: Hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại

Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố: Hỗ trợ 550.000 đồng/người/tháng.

Chi hội Trưởng các đoàn thể: Thanh niên, Nông dân, Cựu Chiến binh, Liên hiệp phụ nữ: Hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng.

Phó Trưởng Ban công tác mặt trận và Chi hội phó các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ: Hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng.

Chi hội Trưởng người cao tuổi: Hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng.

3. Ngân sách nhà nước thực hiện khoán kinh phí để chi trả phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 nêu trên và hỗ trợ người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 2 nêu trên như sau:

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới: Mức khoán bằng 6,14 lần mức lương cơ sở.

b) Thôn, tổ dân phố còn lại: Mức khoán bằng 5,16 lần mức lương cơ sở.

Mức khoán này chưa bao gồm hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ chuyên môn quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; mức phụ cấp kiêm nhiệm quy định tại Điều 9 của Quy định này để thực hiện chi trả cho

pld

những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 6. Quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên ở thôn**

1. Mỗi thôn được bố trí 01 công an viên.
2. Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

**Điều 7. Quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố**

1. Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí 01 nhân viên y tế.
2. Mức phụ cấp hàng tháng:

a) Nhân viên y tế ở thôn: Thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn.

b) Nhân viên y tế ở tổ dân phố: Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.

**Điều 8. Quy định số lượng và mức bồi dưỡng hàng tháng đối với cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố**

1. Số lượng:

a) Thôn được bố trí 02 cộng tác viên dân số đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau: Thôn có từ 350 hộ trở lên; thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới; thôn có từ 50% số hộ dân tộc thiểu số trở lên.

b) Thôn còn lại và các Tổ dân phố bố trí 01 cộng tác viên dân số.

2. Mức bồi dưỡng: 300.000 đồng/người/tháng.

**Chương IV**

**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ; Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

**Điều 9. Chế độ kiêm nhiệm**

1. Khuyến khích bố trí kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cán bộ cơ sở.

2. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 100% của mức phụ cấp hoặc là mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm đó.

*ph*

3. Người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm từng chức danh bằng 100% mức phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm đó.

4. Quy định về hỗ trợ đối với người có trình độ chuyên môn quy định tại khoản 4 Điều 3 và điểm c khoản 1 Điều 5 Quy định này không được tính phụ cấp kiêm nhiệm.

### **Điều 10. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc**

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc nếu có thời gian công tác liên tục từ 12 tháng trở lên (*trường hợp ngắt quãng quá trình công tác được cộng dồn*), có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo Bảo hiểm xã hội*).

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc trường hợp hưởng chế độ theo tinh giản biên chế hoặc bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được nhận chế độ hỗ trợ này.

### **Điều 11. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

1. Hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp xã: 25.000.000 đồng/năm.

2. Hoạt động phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cấp xã: 20.000.000 đồng/đoàn thể/năm.

### **Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các quy định khác có liên quan.

*phk*